

**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN, ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ  
16/2020/NĐ-CP NGÀY 03/02/2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT  
MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT QUỐC TỊCH VIỆT NAM**

Ngày 03/02/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. Trong đó, Nghị định quy định một số điểm mới nổi bật như sau:

**Một là**, bổ sung quy định về hủy giá trị giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam đã cấp cho người thôi quốc tịch, tước quốc tịch, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.

Theo đó, Điều 4 Nghị định quy định kể từ ngày Quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam, tước quốc tịch Việt Nam, hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của một người có hiệu lực pháp luật thì các giấy tờ quy định tại Điều 11 của Luật Quốc tịch Việt Nam (Giấy khai sinh; Giấy chứng minh nhân dân; Hộ chiếu Việt Nam; Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam, Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam, Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi đối với trẻ em là người nước ngoài, Quyết định cho người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi) đã cấp cho người đó không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam. Vì vậy, nếu những người này vẫn cố tình sử dụng những giấy tờ quy định tại Điều 11 của Luật Quốc tịch Việt Nam để chứng minh quốc tịch Việt Nam sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Nghị định này.

Ngoài ra, Nghị định cũng quy định trách nhiệm của các cơ quan trong việc xóa đăng ký thường trú, thu hồi và hủy giá trị sử dụng Hộ chiếu Việt Nam, Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân của những trường hợp nêu trên. Người được thôi quốc tịch, bị tước quốc tịch, bị hủy bỏ quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cũng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Công an để làm thủ tục xóa đăng ký thường trú, nộp lại Hộ chiếu Việt Nam, Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân theo quy định của pháp luật có liên quan.

**Hai là**, khẳng định lại nguyên tắc một quốc tịch Việt Nam theo Điều 4 của Luật Quốc tịch Việt Nam, tạo cách hiểu và áp dụng thống nhất pháp luật đối với người có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài.

Điều 5 Nghị định quy định về việc sử dụng quốc tịch của công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác”*. Theo đó, kể từ ngày 20/3/2020, trên tất cả các loại giấy tờ có mục ghi “quốc tịch” do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước

ngoài chỉ được ghi “quốc tịch Việt Nam”, tuyệt đối không ghi thêm quốc tịch nước ngoài của người đó, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

**Ba là**, Nghị định số 16/2020/NĐ-CP xác định rõ những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động quốc tịch.

Điều 6 Nghị định đã bổ sung quy định mới về các hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm các hành vi: (i) Dùng giấy tờ giả, giấy tờ bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung; khai báo không trung thực, có hành vi gian dối để làm thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch; (ii) Dùng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam; (iii) Lợi dụng thẩm quyền được giao để cấp giấy tờ về quốc tịch Việt Nam, giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam trái quy định của pháp luật; xác nhận không có cơ sở, không đúng sự thật về người xin nhập, xin trở lại quốc tịch Việt Nam; (iiii) Lợi dụng việc nhập, trở lại, thôi quốc tịch Việt Nam và việc xin giữ quốc tịch nước ngoài khi được nhập, trở lại quốc tịch Việt Nam để xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam.

Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện các hành vi nêu trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật; những giấy tờ giả, giấy tờ bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung về quốc tịch, giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định này, giấy tờ về quốc tịch Việt Nam, giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam trái quy định của pháp luật sẽ không có giá trị pháp lý, phải bị thu hồi hủy bỏ.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật thì những trường hợp đã nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 19 của Luật Quốc tịch Việt Nam mà bị phát hiện có hành vi dùng giấy tờ giả, giấy tờ bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung; khai báo không trung thực, có hành vi gian dối để làm thủ tục giải quyết các việc về quốc tịch thì Bộ Tư pháp sẽ hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước hủy bỏ Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật Quốc tịch Việt Nam và Điều 23 của Nghị định này.

**Bốn là**, quy định chi tiết và hướng dẫn rõ hơn về các điều kiện giữ quốc tịch nước ngoài khi xin nhập/trở lại quốc tịch Việt Nam nhằm tạo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng đúng quy định tại Khoản 3 Điều 19, Khoản 5 Điều 23 của Luật Quốc tịch Việt Nam.

Khoản 3 Điều 19 Luật Quốc tịch Việt Nam quy định: “*Người nhập quốc tịch Việt Nam thì phải thôi quốc tịch nước ngoài, trừ những người quy định tại Khoản 2 Điều này, trong trường hợp đặc biệt, nếu được Chủ tịch nước cho phép*”. Điều 9 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP đã quy định rõ hơn về các trường hợp đặc biệt, đó là: (1) Có đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; (2) Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; (3) Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó; (4) Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước ngoài bị ảnh hưởng; (5) Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 14 Nghị định quy định người xin trở lại quốc tịch Việt Nam thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 23 Luật Quốc tịch Việt Nam, nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây thì được coi là trường hợp đặc biệt để trình Chủ tịch nước xem xét việc cho trở lại quốc tịch Việt Nam mà không phải thôi quốc tịch nước ngoài. Bao gồm: (1) Có đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; (2) Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó; (3) Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng; (4) Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhưng quy định mới về “*trường hợp đặc biệt*” của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết hồ sơ quốc tịch; tránh được tình trạng có cách hiểu khác nhau, dẫn đến khiếu nại, khiếu kiện.

**Năm là,** bổ sung điểm mới về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực quốc tịch. Điều 37 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm 07 nội dung. Trong đó, 02 nội dung mới là tổ chức Lễ trao Quyết định của Chủ tịch nước cho nhập quốc tịch Việt Nam đảm bảo trang trọng, ý nghĩa; thu hồi hủy bỏ những giấy tờ liên quan đến quốc tịch Việt Nam do Sở Tư pháp cấp trái quy định của pháp luật.

Với các quy định mới, Nghị định số 16/2020/NĐ-CP đã khắc phục được những vướng mắc, bất cập trong công tác quốc tịch thời gian qua; đồng thời, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết các loại việc về quốc

tịch. Nghị định số 16/2020/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020, thay thế Nghị định số 78/2009/NĐ-CP và Nghị định số 97/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2009/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quốc tịch Việt Nam và Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 31/01/2013 sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA cũng hết hiệu lực kể từ ngày 20/3/2020./.

**Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật  
Sở Tư pháp**